

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 3 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Sơn

2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2020/ HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường 7, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường 7, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Ngọc T trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Hoàng L chung sống với nhau vào năm 1988 đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, ông L nhiều lần đánh đập bà. Hiện bà và ông L đã ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Hiện bà không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông L có 03 con chung là Lê Ngọc L, sinh năm 1989; Lê Kiều D, sinh năm 1993; Lê Phước L, sinh năm 2006. Đối với L, và D đã trưởng thành có sức khỏe bình thường nên khi ly hôn bà không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với Lê Phước L khi ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

- Tại bản tự khai ngày 03/3/2020 ông Lê Hoàng L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống ông và bà T có mâu thuẫn nên nay bà T xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Ngọc L, sinh năm 1989; Lê Kiều D, sinh năm 1993; Lê Phước L, sinh năm 2006. Đối với L, và D đã trưởng thành có sức khỏe bình thường nên khi ly hôn bà không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với Lê Phước L muốn sống với ai thì người đó nuôi không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc T với ông Lê Hoàng L được xác định là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là ông Lê Hoàng L có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, bà Nguyễn Ngọc T với ông Lê Hoàng L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1988, đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện bà T yêu cầu xin ly hôn, ông L đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống bà T và ông L đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà T, ông L đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc ai. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà T được chấp nhận.

[3] Về con chung, bà T và ông L có 03 con chung tên Lê Ngọc L, sinh năm 1989; Lê Kiều D, sinh năm 1993; Lê Phước L, sinh ngày 25/12/2006. Đối với L, và D đã trưởng thành có sức khỏe bình thường nên khi ly hôn bà T và ông L không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng là phù hợp. Đối với Lê Phước L khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi cháu L, ông L có ý kiến là tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu L ngày 06/3/2020 thì khi cha mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu là muốn sống cùng với mẹ. Do đó, ghi nhận nguyện vọng cháu L và ý kiến của ông L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Lê Phước L cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con do bà T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông L vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà T, ông L xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà T, ông L khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T về việc xin ly hôn với ông Lê Hoàng L.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Ngọc L, sinh năm 1989; Lê Kiều D, sinh năm 1993; Lê Phước L, sinh ngày 25/12/2006. Khi ly hôn Lê Ngọc L, Lê Kiều D đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Giao Lê Phước L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hoàng L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Ông, bà khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Ngọc T phải chịu. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0001374 vào ngày 06/02/2020, được đối trừ, bà T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc T, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hoàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Phạm Kim Cương